

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TUY HÒA  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **93/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 28 – 12 - 2021

“*V/v Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Ngọc Uyên.

*Các hội thẩm nhân dân:* Bà Đào Thị Ngâm và ông Lương Công Hạnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Phụng Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa:**  
Bà Lê Thị Hưng- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 241/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2021/QĐXX-ST ngày 28/10/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16/11/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Võ Trung T, sinh năm 1980, địa chỉ thường trú: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Địa chỉ liên hệ: Khu phố M, phường P, thành phố TH, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Nguyễn Thị K, sinh năm 1984, địa chỉ: Khu phố X (Nay là khu phố M), Phường P, thành phố TH, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Nguyên đơn Võ Trung T trình bày: Anh T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với chị Nguyễn Thị K vào năm 2005 tại UBND phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Cuộc sống vợ chồng ban đầu chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh từ năm 2018, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, xảy ra cãi vã lẫn nhau, anh biết chị K có mối quan hệ bên ngoài nhưng vẫn muốn duy trì tình cảm và mối quan hệ vợ chồng để con cái không bị ảnh hưởng sau này. Tuy nhiên, chị K không có ý định duy trì cuộc hôn nhân này, tự ý bỏ nhà đi từ năm 2019. Anh chỉ biết là chị K ở thành phố Hồ Chí Minh,

không biết địa chỉ cụ thể ở đâu. Vợ chồng không ai gọi điện hỏi thăm, quan tâm đến cuộc sống của nhau. Bản thân anh không còn tình cảm vợ chồng, chị K cũng không quay về hàn gắn tình cảm giữa hai bên nên Anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị K.

\*Về con chung: Giữa Anh T và chị K có 02 con chung tên Võ Thị Khánh Q, sinh năm 2006 và Võ Trung H, sinh năm 2008. Hiện nay các cháu đều đang ở với anh T, do Anh T trực tiếp nuôi nấng, chăm sóc. Chị K từ ngày bỏ đi chỉ gửi về được 4.000.000 đồng, còn lại thì không gửi nữa. Thỉnh thoảng, chị K gọi điện về hỏi thăm các con anh. Do đó, khi ly hôn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được nuôi hai con chung, anh đang làm việc tại Cảng Vũng Rô, thu nhập hàng tháng khoảng 8.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng, cố gắng để có tiền nuôi con ăn học, anh thấy tự mình có thể chăm sóc các con trưởng thành được, không cần chị K phải chu cấp nuôi con.

\*Về tài sản chung: Không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\*Về địa chỉ của bị đơn Nguyễn Thị K: Anh T không biết rõ địa chỉ của chị K ở đâu. Nhưng mẹ ruột của chị K là bà Phan Thị Tường V, sinh năm 1958 từ khi chị K bỏ đi thì vẫn phụ anh chăm sóc cho các cháu khi anh vắng nhà, các cháu còn nhỏ nên cũng nhờ bà ngoại chăm sóc nhiều. Khi Anh T làm đơn khởi kiện, khi tòa tiến hành giải quyết ly hôn, Anh T đều báo cho chị K biết, nhưng chị K ở thành phố Hồ Chí Minh không về, chị cũng không có ý kiến gì.

Tại biên bản xác minh ngày 08/10/2021 tại Công an phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên xác định chị Nguyễn Thị K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố X (nay là khu phố M), phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Hiện nay chị K không có mặt tại địa phương, đi đâu làm gì địa phương không rõ.

Bị đơn Nguyễn Thị K đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bị đơn Nguyễn Thị K, được trực tiếp nuôi các con và không yêu cầu bị đơn Kiều cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội

đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; Về con chung: Giao hai cháu Võ Thị Khánh Q, sinh năm 2006 và Võ Trung H, sinh năm 2008 cho nguyên đơn tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con do nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu. Bị đơn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Về tài sản chung: Không có nên đề nghị không xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Võ Trung T yêu cầu giải quyết tranh chấp ly hôn, nuôi con với bị đơn Nguyễn Thị K có địa chỉ thường trú tại khu phố X (Nay là khu phố M), phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên giải quyết theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ và niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Nguyễn Thị K vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Võ Trung T và bị đơn Nguyễn Thị K tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, được UBND phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 111 ngày 25/10/2005. Hôn nhân của Anh T và chị K đảm bảo về điều kiện kết hôn và đúng nghi thức theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp.

[4] Nguyên đơn trình bày mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2018, do nguyên đơn biết bị đơn mối quan hệ bên ngoài, giữa vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau, cuộc sống gia đình hay xảy ra xung đột. Nguyên đơn muốn duy trì tình cảm và mối quan hệ vợ chồng với bị đơn K để không làm ảnh hưởng đến sự phát triển của các con sau này. Tuy nhiên, bị đơn K không có ý định duy trì cuộc hôn nhân này, tự ý bỏ nhà đi từ năm 2019 cho đến nay, không có sự liên hệ, chia sẻ hay quan tâm đến gia đình. Giữa nguyên đơn, bị đơn đã sống ly thân, không ai lo lắng, quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nguyên đơn yêu cầu ly hôn. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa làm việc nhưng bị đơn không có mặt tại

Tòa, không có lời trình bày về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có ý kiến phản đối nên bị đơn phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình.

[5] Giữa nguyên đơn và bị đơn không có sự quan tâm, chia sẻ cuộc sống chung của gia đình, tình cảm vợ chồng không được vun đắp, không cùng nhau gánh vác công việc gia đình và trách nhiệm chăm sóc con. Các bên đương sự không còn tình thương và trách nhiệm của vợ chồng giành cho nhau, vi phạm nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét mâu thuẫn giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[6] Con chung: Giữa nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung tên Võ Thị Khánh Q, sinh năm 2006 và Võ Trung H, sinh năm 2008 hiện đang do nguyên đơn nuôi dưỡng, chăm sóc. Xét hiện nay nguyên đơn Võ Trung T đang trực tiếp chăm sóc các con chung Võ Thị Khánh Q và Võ Trung H, đã ổn định về điều kiện sống, sinh hoạt, học tập. Nguyên đơn có thu nhập hàng tháng ổn định, đủ khả năng nuôi con. Con chung Võ Thị Khánh Q có nguyện vọng ở với mẹ. Nhưng xét nay chị Nguyễn Thị K không có nơi cư trú ổn định, quá trình giải quyết vụ án không đến Tòa để trình bày ý kiến. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần của các con chung và phù hợp với thực tế, Hội đồng xét xử xét giao hai cháu Q, H cho nguyên đơn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Người không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp cần thiết, các bên đương sự có quyền được yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

[7] Cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn T không yêu cầu bị đơn K cấp dưỡng nuôi con. Xét việc không yêu cầu cấp dưỡng là do nguyên đơn T tự nguyện nên chấp nhận.

[8] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[9] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Võ Trung T được ly hôn với bị đơn Nguyễn Thị K.

2. *Về con chung*: Giao 02 con chung Võ Thị Khánh Q, sinh năm 2006 và Võ Trung H, sinh năm 2008 cho nguyên đơn Võ Trung T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bị đơn Nguyễn Thị K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp cần thiết, các bên đương sự có quyền được yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. *Về án phí HNGĐ-ST*: Nguyên đơn Võ Trung T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0004653 ngày 23/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Anh T đã nộp đủ.

4. *Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND Tp. Tuy Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS Tp. Tuy Hòa;
- UBND phường M, Tp. T (số 111/2005);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Thị Ngọc Uyên**